

BÀN THÊM MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN BIỂU HIỆN Ý NGHĨA TÌNH THÁI TRONG NGÔN NGỮ HỘI THOẠI

NGÔ THỊ MINH
(TS, Khoa Xã hội, CDSP Nha Trang)

1. Tình thái là một bộ phận ngữ nghĩa không thể thiếu được của bất kì câu nói nào. Thông qua câu, người nói bày tỏ thái độ đánh giá của mình đối với người nghe và điều được nói ở trong câu. Và có nhiều phương tiện để biểu hiện loại ý nghĩa này.

Về mặt ngữ âm, có thể sử dụng phương tiện ngữ điệu, trọng âm, kèm với một số trợ từ cuối câu. Về từ vựng người ta sử dụng các trợ từ, quán ngữ, thành ngữ hoặc các loại động từ tình thái. Về ngữ pháp, có thể khảo sát một số kiểu kết hợp các trợ từ, quán ngữ, động từ tình thái trong câu; hoặc các cặp từ nối thường xuất hiện trong câu ghép... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến những phương tiện biểu hiện ý nghĩa tình thái khác thường gặp trong ngôn ngữ hội thoại.

2. Hội thoại là hình thức

giao tiếp có tính phổ biến trong ngôn ngữ. Đó chính là loại khẩu ngữ rất sinh động và đôi khi mang những nét đặc thù riêng nếu so với ngôn ngữ viết. Theo nghiên cứu của Gillian Brown-George Yule thì người ta "sử dụng lời nói phần lớn là để thiết lập và duy trì quan hệ xã hội (chủ yếu là liên nhân); còn ngôn ngữ viết phần lớn để kiến tạo thông tin (chủ yếu là liên giao)" (1,32). Có lẽ vì lí do đó nên ngôn ngữ hội thoại mang nhiều yếu tố tình thái và phương tiện biểu hiện loại ý nghĩa này cũng khá đa dạng.

2.1 Sử dụng tiếng chửi, lời nói tục

Khi nóng giận, người nói thường sử dụng một số từ ngữ mà theo đánh giá của xã hội, những từ ngữ này không được "chuẩn mực", nó hàm chứa yếu tố tiêu cực. Chẳng hạn,

"Tôi nổi khùng lên:

- Về bảo cho bà Hai biết, con gấu này ông Hai đã tặng cho bé Phương Thảo, hiểu chưa?

Nói xong tôi cũng thấy mình vô lí. Giữa lúc đó vợ tôi lại nói thêm vào, giọng gay gắt:

- Thi anh cứ trả mẹ nó đi! Con gấu bông chứ có phải vàng bạc châu mà quá quắt làm vậy? Thà mất hết chứ không chịu nhục được!"

(Nguyễn Đăng Khoa - *Con gấu*, trang 25)

Từ ngữ "mẹ nó" xuất hiện trong phát ngôn của người vợ biểu hiện rõ thái độ phẫn nộ của chị đối với sự việc đòi lại con gấu bông mà theo sự đánh giá của chị là không đáng. Việc đòi con gấu bông như vậy làm cho chị bị xúc phạm: "Thà mất hết chứ không chịu nhục được".

Hoặc một sự đánh giá của người nói trong một bài hội thoại khác:

"Lão gọi Cu Sữa, bạn

chân bò thời vong niên của lão mà hỏi:

- Mày đã được ăn kẹo Tàu rồi hử?

- Chả bằng kẹo dổi làng mình ông ạ. Thơm hắc.

- Hừm, không quen tháo dạ bỏ bớ!"

(Đoàn Lê - *Trình tiết xóm chùa*, trang 16)

Cách trả lời của người bạn về kẹo Tàu qua từ "Thơm hắc" rất ngắn gọn. Người nghe hiểu ngay thái độ không ưa thích của người nói bằng "chả bằng", "thơm hắc". Và để khẳng định loại kẹo này không ngon, người đối thoại sử dụng ngữ điệu "Hừm" ở vị trí đầu phát ngôn và từ ngữ "bỏ bớ" cuối phát ngôn. Điều này có giá trị như một thái độ từ chối ở mức độ cao nhất.

Chọn từ ngữ nhanh, ứng phó kịp thời để trả lời những lời đối đáp trong hội thoại là một đặc trưng cơ bản của người nói. Thêm vào đó họ có thể sử dụng ngay những từ ngữ được coi là không "chuẩn mực" trong xã hội, phân nào làm thoải mãn thái độ không đồng tình, phản đối hay sự phẫn nộ của mình. Thậm chí họ còn chửi thề:

"Mời Thuần bắt đầu run:

- Tao thích Thuyên vì Thuyên có...tâm hồn.

Lì rượu ngừng ngay môi Quận, nó trợn mắt nhìn Thuần cười nhạt:

- Cái gì?

- Tâm...hồn.

- Hớ hớ hớ! Sao mày nói giống con Thuyên thế? Tâm hồn là cái đ. gì mà chúng bày tòn thờ như thánh vậy?(...)"

(Đỗ Tiến Thụy - *Sóng ao làng*, Văn nghệ số 16- 2005)

Tất nhiên việc sử dụng từ ngữ kiểu này phản ánh ngôn ngữ của một lớp người với những tính cách nào đó trong xã hội nhưng dù sao trong những trường hợp này chúng ta vẫn thấy đó là một phương tiện biểu hiện nghĩa tình thái trong ngôn ngữ hội thoại.

2.2 Sử dụng các thành ngữ, quán ngữ:

Thành ngữ, quán ngữ vốn là đơn vị được xem như là loại đơn vị tương đương với từ nhưng giàu tính biểu cảm, có tính khái quát hoá cao. Trong hội thoại, việc người nói sử dụng các loại quán ngữ, thành ngữ này cũng có thể được khảo sát như một phương tiện biểu hiện loại ý nghĩa tình thái nào đó. Chẳng hạn,

"Cô Cả thủng thủng:

- Bớ ra sân hợp tác xã mà nghe. Người ta bảo bố Điển diên nặng. Cái người ta phải

ra thì bố bớ về; vừa thoát khỏi hộ nghèo, chuyến này lại vác rá ra kho.

- Tôi đã bao giờ để các anh, các chị dứt bữa chưa? Bảo làm gì thì cứ làm. *Trúng khôn hơn vịt*.

(Nguyễn Hữu Kiềm - *Cành la cành bông*, trang 26)

Câu trả lời của người cha "...*Trúng khôn hơn vịt*" đã đủ sức khái quát ý kiến phản đối của mình. Sức nặng của toàn bộ phát ngôn như nghiêng về thành ngữ này.

Hoặc trong một trường hợp khác, ông cha lại mắng con:

"*Cái tông môn nhà chị, rõ trúng khôn hơn vịt.*"

(Nguyễn Hữu Kiềm - *Cành la cành bông*, trang 26)

Đối với người nói, "ông là bố, là người lớn hơn, trải nghiệm nhiều hơn và con cái không thể khôn ngoan hơn ông". Do vậy việc lặp lại nhiều lần thành ngữ trên trong phát ngôn biểu hiện tình tế thái độ trên của người nói, dù họ không thể hiện một cách tường minh.

2.3 Sử dụng kiểu nói lửng:

Biểu hiện trên văn viết của cách nói lửng là những phát đầu "..." sau những phát ngôn chưa đầy đủ mà lẽ ra

người nói có thể thêm vào. Trong trường hợp này, người nghe có thể hiểu ngầm ẩn từ những chỗ ngừng lại này:

“ Không biết vì quá uất vì kế làm giàu không thành hay rượu sắn chóng say mà Điển quát đàn con inh ỏi.

- Cả lũ chúng mày, chỉ ăn hại thôi. Có việc đi học cũng không đến trường, sau này có mà...”

Hoặc :

“- Lũ chúng mày đâu hết cả rồi...Không đi học sao thành người...”

(Nguyễn Hữu Kiêm - *Cảnh la cảnh bóng*, trang 27)

Tuy ông không nói hết những điều cần nói nhưng trong những trường hợp này, dựa vào ngữ cảnh người nghe vẫn hiểu được triết lí của ông về việc học: “*Nếu bây giờ còn nhỏ mà không đi học thì sau này sẽ không có việc làm tốt, không đảm bảo được cuộc sống và xa hơn, có thể không trở thành người tốt...*”.

Cách nói bỏ lửng này là một đặc điểm khá phổ biến trong ngôn ngữ hội thoại. Nó được xuất hiện khi người nói muốn nói tránh, muốn để người nghe tự suy luận. Và điều này đã tạo ra một hiệu lực rất mạnh:

“ Thôi em à! Chiến tranh

mà. Anh còn sống để trở về là may lắm rồi! Hãy cứ coi thằng bé là con chúng mình...Dấu sao thì...”

Câu nói bỏ lửng. Chữ “thì” nuốt vào ngực Phương, xoáy vào lòng Ngà.”

(Đình Hữu Trường *Tiếng trăng lách tách*, trang 7)

Hiện tượng phát ngôn có cấu trúc câu ghép không có đủ các vế đã trở thành phương tiện biểu hiện nghĩa tình thái. Và từ nối “Dấu sao thì” đã mang gánh nặng ngữ nghĩa- ngữ dụng của câu nói. “*Dấu sao thì chuyện đã rồi, dấu sao thì thời gian không thể quay lại...Và không thể thay đổi được gì*”. Người nói đã chọn một thái độ chấp nhận thực tại vì theo họ những gì họ có hôm nay đã là một sự may mắn...Trong trường hợp này lời nói đã tác động với một hiệu lực mạnh đối với người nhận: “Chữ “thì” nuốt vào ngực Phương, xoáy vào lòng Ngà.”

3. Tình thái và các phương tiện biểu hiện ý nghĩa tình thái trong phát ngôn quả là vấn đề còn đòi hỏi nhiều tâm sức của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, đặc biệt là đối với ngôn ngữ hội thoại.

Tài liệu tham khảo

1. Gillian Brown- George

Yule - *Phân tích diễn ngôn*, Bản dịch của Trần Thuần. NXB Đại học Quốc gia HN. Hà Nội. 2002.

2. Chuyên đề cuộc thi truyện ngắn 2003-2004. Phụ bản số 27. Văn nghệ- 2004.

3. Đỗ Hữu Châu - *Cơ sở ngữ dụng học*, tập 1. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội. 2003.

4. Nguyễn Đức Dân - *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục. TP Hồ Chí Minh. 1998.

5. Ngô Thị Minh - *Một số phương tiện biểu hiện ý nghĩa tình thái trong câu ghép tiếng Việt*, LATS. Hà Nội. 2001.